TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G

Số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04-8-2023
"*Ly hôn*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Thun Phrâo;
2. Ông Chu Xuân Toàn.
Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 10/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Thôn Tao Klăh, xã IR, huyện C, tỉnh G. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn Plei Đung, xã H, huyện C, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh H và chị Anh tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh G vào ngày 01/6/2015. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vả. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị A cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.
- Về con chung*:* Anh chị chưa có con chung, nên không có yêu cầu.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh G vào ngày 01/6/2015 như chị Ngọc Ađã trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một 01 năm thì chị Nguyễn Thị Ngọc A bỏ nhà đi. Từ giữa năm 2016 đến nay, hai bên không còn chung sống và liên lạc với nhau. Anh không biết lý do vì sao mà chị h bỏ nhà đi. Anh H không đồng ý ly hôn với chị Ngọc Avì lý do anh H theo đạo Thiên Chúa Giáo nên anh không được phép ly hôn với vợ.

- Về con chung*:* Anh chị chưa có con chung, nên không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Ngày 07/3/2023, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A đúng quy định, anh Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại thôn Plei Đung, xã H, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về sự vắng mặt của các đương sự**: Tại phiên tòa, bị đơn là anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] **Về nội dung vụ án:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh G vào ngày 01/6/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vả, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị Ngọc A và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Chị Ngọc Avà anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh H không đồng ý ly hôn với lý do là anh và gia đình theo đạo Thiên chúa giáo và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đưa ra biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Ngọc H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu được ly hôn

với anh Nguyễn Ngọc H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị Ngọc A chưa có con chung; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí sơ thẩm**: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001280 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Chị Ngọc A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh G (01 bản);
- UBND xã H (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tiến Sỹ